TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 17 – LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 09/02/2026
V/v: "tranh chấp l*y hôn"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 17- LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Xuân Thuận.

Các hội thẩm nhân dân:

1.Ông Trần Văn Sơn

2.Ông Lưu Trọng Kim

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Mai Thảo Chi, Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 17 -Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 17- Lâm Đồng tham gia phiên Tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng – Kiểm sát viên.

Trong ngày 09 tháng 02 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 17-Lâm Đồng; xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý: 131/2025/TLST-HNGĐ, ngày 21 tháng 10 năm 2025, về việc "tranh chấp ly hôn" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2026/QĐXXST-HNGĐ, ngày 08 tháng 01 năm 2026 và quyết định hoãn phiên tòa số 21/2026/QĐST-HNGĐ, ngày 22/01/2026, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Trần Như S, sinh năm: 1966
  Nơi cư trú: Số 138, đường Z30A, thôn Nam Hà, xã Trà Tân, tỉnh Lâm Đồng.
- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị L, sinh năm: 1969
  Nơi cư trú: Số 138, đường Z30A, thôn Nam Hà, xã Trà Tân, tỉnh Lâm Đồng.

Tại phiên tòa có mặt nguyên đơn, bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 10/9/2025, bản khai và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Trần Như S trình bày: Vào năm 1993, ông và bà Nguyễn Thị L tự nguyện tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn theo quy định

pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã Ngọc Lũ, huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam. Sau khi cưới vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2020 thì bắt đầu phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do ông bà có sự khác biệt nhau về lối sống, không tìm được tiếng nói chung, bà L làm nghề giáo viên, nhưng bà có nhiều hành vi như cấm ông chơi với bạn bè, khi ông dẫn bạn về nhà thì bà L dùng những lời lẽ như dẫn cướp về nhà, chửi ông là thằng ăn cướp, chửi mắng cả dòng họ và cả Lò nhà ông. Lần đầu ông có đơn ly hôn với bà L vào năm 2020 nhưng vì bà L hứa thay đổi nên ông đã rút đơn. Tuy nhiên, sau khi rút đơn bà L vẫn tiếp tục có hành vi, lời nói xúc phạm ông và gia đình ông. Vợ chồng đã ly thân khoảng 03 năm, không còn quan tâm đến nhau, bản thân ông cảm thấy rất mệt mỏi và không muốn duy trì cuộc hôn nhân này nữa. Nay ông nhận thấy mâu thuẫn giữa ông bà đã thật sự trầm trọng, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc nên ông kiên quyết yêu cầu ly hôn với bà Nguyễn Thị L.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung: Trần Như Hoàng sinh năm 1993 và Trần Thị Ngọc Huyền sinh năm 1995, các con đã trường thành nên ông không tranh chấp.

Về tài sản chung và nghĩa vụ khác về tài sản (nợ chung): không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản khai ngày 06/01/2026, các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn bà Nguyễn Thị L khai: Sau một thời gian tìm hiểu thì bà và ông Trần Như S tiến đến hôn nhân trên tinh thần tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Ngọc Lũ, huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam. Quá trình chung sống, ông bà có mâu thuẫn nguyên nhân là do ông S nhậu nhẹt, nghe lời người ngoài về nhà gây sự với bà. Khoảng đầu năm 2025, ông S không quan tâm đến gia đình thường xuyên vắng nhà. Khoảng giữa tháng 1/2025 bà bị bệnh phải nhập viện mấy ngày, ông S có biết nhưng không chăm sóc hay hỏi han gì đến. Bà L nhận thấy mâu thuẫn giữa ông bà đã thật sự trầm trọng, vợ chồng chung sống với nhau chỉ vì con. Tại phiên Tòa bà xác định không còn tình cảm với ông S, tuy nhiên bà mong muốn ông S và bà phải thỏa thuận phân chia tài sản xong thì bà mới ký ly hôn với ông.

Về con chung: Bà L thống nhất với ông S về con chung, hiện nay các con đã trưởng thành nên bà không có yêu cầu gì

Về tài sản chung, nợ chung bà L không tranh chấp và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Ý kiến của kiểm sát viên về việc tuân thủ pháp luật của thẩm phán, Hội đồng xét xử và của các đương sự: Thẩm phán đã thụ lý hồ sơ, xác định đúng quan hệ pháp luật, lập và gửi các văn bản đúng quy định. Hội đồng xét xử đã tiến hành xét xử đúng trình tự luật định.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án cho thấy hôn nhân của ông S và bà L mâu thuẫn thật sự trầm trọng, không thể hàn gắn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ vào Điều 19, khoản 1 Điều 51 và Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của bà L. Về tài sản chung, nợ chung: ông bà không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy Hội đồng xét xử không phải xem xét giải quyết trong vụ án này.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, ý kiến của nguyên đơn, bị đơn có trong hồ sơ của Tòa án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xác định quan hệ pháp luật tranh chấp: Căn cứ vào nội dung đơn khởi kiện đề ngày 10/9/2025 Tòa án xác định đây là vụ án: "tranh chấp ly hôn" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền: Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 17, tỉnh Lâm đồng theo quy định tại khoản 1, Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về thủ tục tố tụng: Kể từ ngày Tòa án nhân dân khu vực 17 - Lâm đồng thụ lý vụ án đến nay, Tòa án đã thực hiện đúng quy định về việc cấp, tống đạt, thông báo văn bản tố tụng cho đương sự được quy định tại chương X Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Về hôn nhân: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở khẳng định: Ông Trần Như S và bà Nguyễn Thị L có đăng ký kết hôn vào ngày 14/01/1993 tại UBND xã Ngọc Lũ, huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam (nay là xã Bình An, tỉnh Ninh Bình). Đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ.

Xét thấy hôn nhân giữa ông S và bà L thật sự có mâu thuẫn, xuất phát từ việc ông bà có sự khác biệt nhau về lối sống, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung dẫn đến thường xuyên cãi vã, mâu thuẫn kéo dài, không thể hàn gắn được. Từ đó, ông S phát sinh sự chán nản, không còn muốn vun đắp hạnh phúc gia đình. Việc này khiến bà L cho rằng ông S không quan tâm gia đình dẫn đến tình cảm vợ chồng càng rạn nứt, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa, ông S cương

quyết yêu cầu ly hôn và khẳng định không còn tình cảm vợ chồng với bà L. Hiện tại vợ chồng đã ly thân, không còn quan tâm đến nhau. Tuy bà L không đồng ý ly hôn nhưng qua lời khai của ông bà thì Hội đồng xét xử xét thấy có đủ căn cứ để xác định hôn nhân giữa ông bà đã thật sự trầm trọng, đời sống hôn nhân không tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ Điều 51 và 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông S là đúng theo quy định tại Điều 51 và Điều 56 Luật hôn nhân và Gia đình; khoản 3 Điều 4 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP, ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm Phán tòa án nhân dân tối cao.

[5] Về con chung: Ông Trần Như S và bà Nguyễn Thị L có 02 con chung tên: Trần Như Hoàng sinh năm 1993 và Trần Thị Ngọc Huyền sinh năm 1995. Vì các con đã trường thành nên ông bà không tranh chấp.

[6] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không tranh chấp. Vì vậy không xem xét giải quyết trong vụ án này.

[7]Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ nghị quyết về án phí và lệ phí của Ủy ban thường vụ Quốc Hội số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 thì ông S là người khởi kiện ly hôn nên ông phải chịu toàn bộ án phí ly hôn theo luật định.

[8] Về áp dụng án lệ: Nghiên cứu các bản án lệ do TAND tối cao công bố, không có vụ án nào tương tự như vụ án đang được xét xử. Vì vậy, HĐXX không áp dụng án lệ mà chỉ căn cứ vào quy định của pháp luật để giải quyết.

[9] Xét ý kiến của Kiểm Sát Viên về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng pháp luật. Phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án là có căn cứ và phù hợp với nội dung vụ án.

Bởi các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 4 Điều 147; Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự của năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2025; Áp dụng Điều 51 và Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 26 luật Thi hành án dân sự; khoản 3 Điều 4 Nghị Quyết số 01/2024/NQ-HĐTP, ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm Phán tòa án nhân dân tối cao; Nghị quyết về án phí, lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc Hội số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016.Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ đơn khởi kiện của ông Trần Như S:

1/Về hôn nhân: Ông Trần Như S ly hôn bà Nguyễn Thị L.

2/Về án phí DSST: Ông Trần Như S phải chịu 300.000đồng án phí DSST về việc ly hôn, nhưng được trừ vào trong số tiền tạm ứng án phí 300.000đồng mà ông S đã nộp tại biên lai số 0005911 ngày 21/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Lâm Đồng. Ông S đã nộp đủ án phí DSST.

3/Về quyền kháng cáo: Báo cho nguyên đơn, bị đơn biết có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (ngày 09/02/2026).

Nơi nhận:
- VKSND khu vực 17
- Phòng thi hành án DS khu vực 17
- UBND xã Bình An
- Các đương sự
-Lưu hồ sơ, quyết định./.

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 17
T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Đỗ Xuân Thuận